

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày 19-7- 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tiến

2. Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST - DS ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐST - DS ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty tài chính V; địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 Đoàn Văn B, Phường 12, Quận 4, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22 tháng 3 năm 2017 và văn bản ủy quyền lại số 47/UQTT-QTRR.17 ngày 19 tháng 9 năm 2017): Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Nhà số 60, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, phía bị đơn là anh Nguyễn Quang T có ký kết với Công ty tài chính V đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20160126-

129034-1248 để vay số tiền là 26.405.686 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; hình thức vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất của khoản vay trên là 4,58%/tháng (tức 54,96%/năm); trả nợ theo phương thức trả chậm trong vòng 30 tháng (30 kỳ trả nợ). Tổng số tiền bị đơn phải trả cho công ty V trong vòng 30 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 49.524.000 đồng, cụ thể: Trong 29 tháng đầu mỗi tháng phải trả cho công ty V số tiền 1.638.000 đồng, tháng cuối cùng phải trả cho công ty V số tiền 2.022.000 đồng. Hạn thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 3 năm 2016.

Thực hiện hợp đồng, công ty V đã giải ngân cho anh T vay số tiền 26.405.686 đồng thông qua tài khoản VNPost (Trong đó có: Tiền vay là 25.029.086 đồng và phí bảo hiểm là 1.376.600 đồng), anh T đã nhận đủ số tiền vay. Đến kỳ trả nợ, anh T đã trả cho công ty V được 03 lần với tổng số tiền đã trả là 4.914.000 đồng (Trong đó có: 1.210.556 đồng tiền gốc và 3.703.444 đồng tiền lãi). Kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2016 đến nay, mặc dù công ty V đã nhiều lần nhắc nhở, tuy nhiên phía bị đơn không trả cho công ty V thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Vì vậy, công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải hoàn trả toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tính đến ngày 20/11/2017 là 41.601.591 đồng và lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 21/11/2017 cho đến khi trả hết nợ (Trong đó: Nợ gốc là 25.195.130 đồng, nợ lãi là 16.406.461 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Quang T phải trả cho công ty V số tiền gốc nợ gốc là 25.195.130 đồng và trả lãi của số tiền nợ gốc tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 28 tháng 5 năm 2016 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (19/7/2018) theo mức lãi suất 1,66%/tháng (tức 20%/năm) là 10.748.745 đồng. Tổng số tiền công ty V yêu cầu anh T phải trả là 35.943.875 đồng.

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ, bị đơn là anh Nguyễn Quang T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến xác minh tại nhà riêng của anh T ở thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vợ anh T là chị Nguyễn Thị X trình bày (theo biên bản làm việc ngày 24/4/2018 - bút lục 50): Anh T có nghề nghiệp là thợ sơn tường, địa bàn làm việc ở xung quanh huyện B, sáng đi làm tối về nhà. Các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án gửi đến, anh T đều biết tuy nhiên anh không chấp hành. Đối với khoản vay của công ty V, anh T vay để sử dụng vào mục đích cá nhân không sử dụng vào mục đích chung, phát triển kinh tế gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 16 Điều 4, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 688; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty tài chính V là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp, trong đó được thực hiện cấp tín dụng tiêu dùng, bao gồm cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng, phát hành thẻ tín dụng...theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 26 tháng 01 năm 2016, giữa công ty V với anh Nguyễn Quang T; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện B đã ký kết đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160126-129034-1248 về việc công ty V cho anh T vay số tiền 26.405.686 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hết hạn hợp đồng ngày 26 tháng 7 năm 2017, do anh T không trả số tiền nợ còn lại, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên công ty V khởi kiện yêu cầu anh T trả nợ theo thỏa thuận trong đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26 tháng 01 năm 2016. Vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” trong lĩnh vực tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 26 tháng 01 năm 2016 nguyên đơn và bị đơn đã ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160126-129034-1248, số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 26.405.686 đồng (Trong đó có: Số tiền 25.029.086 đồng vay với mục đích tiêu dùng và 1.376.600 đồng là phí đóng bảo hiểm), lãi suất vay là 4,58%/tháng, thời hạn vay là 30 tháng, thời hạn thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng bắt đầu từ 01/3/2016, 29 tháng đầu mỗi tháng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.638.000 đồng, tháng cuối cùng bị đơn phải thanh toán số tiền 2.202.000 đồng. Bị đơn đã nhận đủ số tiền vay theo thỏa thuận và đã trả cho nguyên đơn được 03 kỳ với tổng số tiền là 4.914.000 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 1.210.556 đồng và tiền lãi là 3.703.444 đồng). Kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2016, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị thay đổi cách tính lãi suất theo hướng giảm mức lãi suất cho bị đơn xuống còn 1,66%/tháng (tức 20%/năm) của số tiền gốc còn nợ tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 28 tháng 5 năm 2016 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi mức lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, điểm a khoản 1 Điều 688, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 25.195.130 đồng; số tiền nợ lãi (tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2016 đến 19 tháng 7 năm 2018) là $25.195.130 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 10.748.745 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 25.195.130 đồng tiền gốc + 10.748.745 đồng tiền lãi = 35.943.875 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là $35.943.875 \text{ đồng} \times 5\% = 1.797.193 \text{ đồng}$.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 16 Điều 4, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 688; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Quang T phải trả nợ cho Công ty tài chính V số tiền nợ gốc là 25.195.130 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn một trăm ba mươi đồng); số tiền nợ lãi là 10.748.745 đồng (Mười triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng). Tổng số tiền anh Nguyễn Quang T phải trả là 35.943.875 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.797.193 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi ba đồng).

Công ty tài chính V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty tài chính V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002543 ngày 01 tháng 2 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Anh Vũ